

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2021/DS-ST  
Ngày 02-11-2021  
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Minh Phương

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Thanh Hải

Bà Nguyễn Thị Hồng Thuý

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Hân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Đỗ Thu Hương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày, từ ngày 29 tháng 10 đến 02 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2020/TLST-DS ngày 14 tháng 01 năm 2020 tranh chấp về thừa kế tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2021/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2021 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 2048/TB-TA ngày 29 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:**

1. Bà B'''ng Thị A; sinh năm 1972; nơi cư trú: Số 37/185 đường B, phường C, quận D, thành phố Hải Phòng; có mặt;

*Người đại diện hợp pháp của bà B'''ng Thị A:* Ông Nguyễn Văn E, sinh năm 1971; nơi cư trú: Thôn G, xã H, huyện I, thành phố Hải Phòng (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 03/10/2019); có mặt;

2. Chị Tô Thanh K, sinh năm 1992; nơi cư trú: Số 37/185 đường B, phường C, quận D, thành phố Hải Phòng; có mặt;

*Người đại diện hợp pháp của chị Tô Thanh K:* Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1959; nơi cư trú: Thôn M, xã N, huyện I, thành phố Hải Phòng (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 03/10/2019); có mặt;

3. Chị Tô Mỹ O, sinh năm 2005; nơi cư trú: Số 37/185 đường B, phường C, quận D, thành phố Hải Phòng; có mặt;

*Người đại diện hợp pháp của chị Tô Mỹ O:* Bà B''''ng Thị A; sinh năm 1972; nơi cư trú: Số 37/185 đường B, phường C, quận D, thành phố Hải Phòng; có mặt;

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:* Ông Nguyễn Công P – Luật sư Văn phòng Luật sư P thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng; vắng mặt (nguyên đơn đồng ý xét xử vụ án vắng mặt người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn);

- *Bị đơn:*

1. Ông Đỗ Văn Q, sinh năm 1955; nơi ĐKKHKT: Tầng 2 số 66 đường R, phường S, quận T, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: Số 65 phố U, phường V, quận X, thành phố Hà Nội; vắng mặt;

*Người đại diện hợp pháp của ông Đỗ Văn Q:* Anh Phạm Hải Y, sinh năm 1990; nơi ĐKKHKT: P10-F6 Góc 3, Tập thể A', phường B', quận C', thành phố Hà Nội; nơi tạm trú: Số 73 ngõ 358/40 D', phường E', quận C', thành phố Hà Nội (theo Giấy uỷ quyền ngày 21/12/2020); có mặt;

2. Bà Trần Thị G', sinh năm 1950; nơi ĐKKHKT: Tầng 2 số 66 đường R, phường S, quận T, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: Số 899/16 đường H', phường I', thành phố K', tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu; vắng mặt;

*Người đại diện hợp pháp của bà Trần Thị G':* Anh Phạm Hải Y, sinh năm 1990; nơi ĐKKHKT: P10-F6 Góc 3, Tập thể M', Tổ 31, phường B', quận C', thành phố Hà Nội; nơi tạm trú: Số 73 ngõ 358/40 D', phường E', quận C', thành phố Hà Nội (theo Giấy uỷ quyền ngày 26/01/2021); có mặt;

3. Bà Trần Thị L', sinh năm 1958; nơi ĐKKHKT: P10-F6 Góc 3, Tập thể M', Tổ 31, phường B', quận C', thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Số 73 ngõ 358/40 D', phường E', quận C', thành phố Hà Nội; vắng mặt;

*Người đại diện hợp pháp của bà Trần Thị L':* Anh Phạm Hải Y, sinh năm 1990; nơi ĐKKHKT: P10-F6 Góc 3, Tập thể M', Tổ 31, phường B', quận C', thành phố Hà Nội; nơi tạm trú: Số 73 ngõ 358/40 D', phường E', quận C', thành phố Hà Nội (theo Giấy uỷ quyền ngày 21/12/2020); có mặt;

4. Bà Trần Thị Kim O', sinh năm 1961; nơi cư trú: Cộng hoà Liên bang Đức; (đã chết ngày 02 tháng 11 năm 2019);

*Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Trần Thị Kim O':*

4.1. Ông Nguyễn Bá P' (Nguyễn Bá P'); vắng mặt;

4.2. Anh Nguyễn Đức Q', sinh năm 1987; vắng mặt;

4.3. Anh R', sinh năm 1999; vắng mặt;

Cùng nơi cư trú: Cộng hoà Liên bang Đức;

5. Chị Trần Thị Phương S', sinh năm 1977; nơi cư trú: Phòng 206 – A1, phường T', quận C', thành phố Hà Nội; vắng mặt (đề nghị xét xử vắng mặt);

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị U', sinh năm 1938; nơi cư trú: Phòng 206 – A1, phường T', quận C', thành phố Hà Nội; vắng mặt (đề nghị xét xử vắng mặt);

2. Bà Trần Thị Việt X', sinh năm 1955; nơi cư trú: Số 1/29 Y', phường A'', quận B'', thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt;

*Người đại diện hợp pháp của bà Trần Thị Việt X':* Anh Phạm Hải Y, sinh năm 1990; nơi ĐKKHKT: P10-F6 Gác 3, Tập thể A', phường B', quận C', thành phố Hà Nội; nơi tạm trú: Số 73 ngõ 358/40 D', phường E', quận C', thành phố Hà Nội (theo Giấy uỷ quyền ngày 19/01/2021); có mặt;

3. Chị Đỗ Thị Nga C'', sinh năm 1979; nơi cư trú: Cộng hoà Liên bang Đức; vắng mặt;

*Người đại diện hợp pháp của chị Đỗ Thị Nga C'':* Ông Đỗ Văn Q, sinh năm 1955; nơi ĐKKHKT: Tầng 2 số 66 đường R, phường S, quận T, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: Số 65 phố U, phường V, quận X, thành phố Hà Nội (theo Giấy uỷ quyền ngày 29/10/2018); vắng mặt;

4. Anh Đỗ Thanh D'', sinh năm 1985; nơi cư trú: Cộng hoà Liên bang Đức; vắng mặt;

*Người đại diện hợp pháp của anh Đỗ Thanh D'':* Ông Đỗ Văn Q, sinh năm 1955; nơi ĐKKHKT: Tầng 2 số 66 đường R, phường S, quận T, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: Số 65 phố U, phường V, quận X, thành phố Hà Nội (theo Giấy uỷ quyền ngày 29/10/2018); vắng mặt;

5. Bà Nguyễn Thị Thanh E'', sinh năm 1959; nơi ĐKKHKT: Số 107 G'', tổ 22, cụm 3 phường H'', quận I'', thành phố Hà Nội; nơi tạm trú: Số 124/22/77 K'' (nay là số 77, ngõ 28, phố L''), phường H'', quận I'', thành phố Hà Nội; vắng mặt (đề nghị xét xử vắng mặt);

6. Anh Trần Vinh M'', sinh năm 1995; nơi ĐKKHKT: Số 107 dãy A1 TT Điều dưỡng, phường H'', quận I'', thành phố Hà Nội; nơi tạm trú: Số 124/22/77 K'' (nay là số 77, ngõ 28, phố L''), phường H'', quận I'', thành phố Hà Nội; vắng mặt (đề nghị xét xử vắng mặt);

7. Anh Trần Duy N'', sinh năm 1990; nơi ĐKKHKT: Số 107 dãy A1 TT Điều dưỡng, phường H'', quận I'', thành phố Hà Nội; nơi tạm trú: Số 124/22/77 K'' (nay là số 77, ngõ 28, phố L''), phường H'', quận I'', thành phố Hà Nội; vắng mặt (đề nghị xét xử vắng mặt);

*Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị Thanh E'' và anh Trần Vinh M'': Anh Trần Duy N'', sinh năm 1990; nơi ĐKKHKT: Số 107 dãy A1 TT Điều dưỡng, phường H'', quận I'', thành phố Hà Nội; nơi tạm trú: Số 124/22/77 K'' (nay là số 77, ngõ 28, phố L''), phường H'', quận I'', thành phố Hà Nội (theo Hợp đồng uỷ quyền ngày 26/03/2021); vắng mặt (đề nghị xét xử vắng mặt);*

8. Ông Đỗ Thế O'', sinh năm 1943; nơi ĐKKHKT: Tầng 2 số 66 đường R, phường S, quận T, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: Số 899/16 đường H', phường I', thành phố K'; tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu; vắng mặt;

*Người đại diện hợp pháp của ông Đỗ Thế O'': Anh Phạm Hải Y, sinh năm 1990; nơi ĐKKHKT: P10-F6 Góc 3, Tập thể A', phường B', quận C', thành phố Hà Nội; nơi tạm trú: Số 73 ngõ 358/40 D', phường E', quận C', thành phố Hà Nội (theo Giấy uỷ quyền ngày 15/5/2021); có mặt;*

9. Ông Cao Xuân P'', sinh năm 1934 và bà Mạc Thị Q'', sinh năm 1936; cùng nơi cư trú: Tầng 1 số 66 đường R, phường S, quận T, thành phố Hải Phòng; đều vắng mặt (đề nghị xét xử vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện nộp 27/11/2019; đơn khởi kiện bổ sung ngày 07/01/2020, ngày 07/01/2020, ngày 15/01/2020, ngày 15/9/2020 và quá trình giải quyết tại Tòa án sơ thẩm, các nguyên đơn là bà B''ng Thị A, chị Tô Thanh K, chị Tô Mỹ O thống nhất trình bày:*

Chồng của bà B''ng Thị A là ông Tô Quỳnh R'' (chết năm 2015). Ông R'' và bà A có hai con chung là chị Tô Thanh K và chị Tô Mỹ O.

Bố đẻ của ông R'' là cụ Son Chi T'' (Son Chi T''). Cụ Son Chi T'' (chết năm 1986) có vợ cả là cụ Vương Thị S'' (chết năm 1957). Sau khi cụ S'' chết, năm 1964 cụ Son Chi T'' kết hôn với cụ Đỗ Thị U'' (chết năm 1999). Cụ Son Chi T'' và cụ S'' không có con chung. Cụ Son Chi T'' và cụ U'' có một người con chung là ông Tô Quỳnh R''. Trước khi kết hôn với cụ Son Chi T'', cụ S'' có người chồng thứ nhất là cụ Trần V''. Hai cụ sinh được 02 người con chung là ông Trần X'' (tên gọi khác là Lê X'' chết năm 2015) và bà Trần Thị Y'' (Liệt sĩ, chết năm 1947).

Ông Trần X'' và bà Nguyễn Thị A''' (vợ cả, chết năm 1973) sinh được 06 người con là bà Trần Thị G', bà Trần Thị Việt X', bà Trần Thị B''' (chết năm 2005), bà Trần Thị L', ông Trần Thọ C''' (chết năm 2018) và bà Trần Thị Kim O' (chết năm 2019).

Bà Trần Thị B''' kết hôn với ông Đỗ Văn Q. Hai người sinh được hai người con chung là chị Đỗ Thị Nga C'' và anh Đỗ Thanh D''.

Ông Trần Thọ C''' kết hôn với bà Nguyễn Thị Thanh E''. Hai người sinh được 02 người con chung là anh Trần Duy N'' và anh Trần Vinh M''.

Bà Trần Thị Kim O' có người con chung là anh Nguyễn Đức Q' với ông Nguyễn Bá P' và một người con chung là anh R' với ông D'''.

Ông Trần X'' kết hôn với bà Nguyễn Thị U' (vợ thứ hai), sinh được một người con chung là chị Trần Thị Phương S'.

Cụ Son Chi T'', cụ S'', cụ U'', ông Trần X'', ông R'' chết không để lại di chúc.

Quá trình chung sống, cụ Son Chi T'' và cụ S'' có tài sản chung là ngôi nhà có diện tích 163,0m<sup>2</sup> tại số 66 đường R, phường S, quận T, thành phố Hải Phòng. Khi cải cách ruộng đất, cụ Son Chi T'' và cụ S'' đã hiến một phần diện tích tầng 1 phía giáp mặt đường cho nhà nước, còn một phần diện tích tầng một phía bên trong và tầng 2 các cụ vẫn quản lý. Năm 1979, cụ Son Chi T'' đã cho vợ chồng ông Q, bà B''' (là cháu ngoại của cụ S'') ở nhờ (do đi du học ở Ba Lan về công tác tại Hải Phòng không có chỗ ở). Năm 1964, sau khi cụ Son Chi T'' kết hôn với cụ U'' thì cụ U'' vẫn ở nhà bố mẹ đẻ tại số 140 phố E''' (phố E'''), quận D, Hải Phòng, còn cụ Son Chi T'' vẫn ở tại số nhà 66 đường R. Sau khi cụ Son Chi T'' chết, cụ U'' nhiều lần đến nói chuyện với vợ chồng ông Q để đòi nhà của cụ Son Chi T'' nhưng ông Q không đồng ý. Năm 1999, cụ U'' (mẹ chồng của bà A) chết. Do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, bà A đã bán căn nhà của cụ U'' tại Phố E''' chỉ rộng 6,0m<sup>2</sup>, không có công trình phụ để lo an táng cho cụ U''. Sau này, vợ chồng bà A, ông R'' nhiều lần đến nói chuyện với ông Q để thu xếp chỗ ở cho vợ chồng bà A vì không còn chỗ ở nào khác nhưng ông Q không đồng ý. Sau khi ông R'' chết, mẹ con bà A phải đi thuê nhà, trong khi đó ngôi nhà của cụ Son Chi T'' và cụ S'' để không, không có người ở khoảng 04 năm nay. Nay nguyên đơn nhận thấy, nguyên đơn cũng được hưởng di sản thừa kế của cụ Son Chi T'' theo quy định của pháp luật nên từ năm 2012 đã gửi đơn đến Tòa án quận T đề nghị giải quyết nhưng cho đến nay vẫn chưa được giải quyết dứt điểm. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Son Chi T'' là căn nhà tại tầng 2 và một phần diện tích của tầng 1 tại số 66 đường R, phường S, quận T, thành phố Hải Phòng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn được hưởng  $\frac{3}{4}$  di sản thừa kế, còn bị đơn hưởng  $\frac{1}{4}$  di sản thừa kế. Sau khi Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ ngày 30/7/2020 thì ngày 15/9/2020, nguyên đơn sửa đổi đơn khởi kiện yêu cầu phân chia di sản thừa kế là phần tài sản cụ thể: Tầng 2 nhà số 66 phố R (mục 6,7,8 của sơ đồ xem xét thẩm định tại chỗ ngày 30/7/2020), phần diện tích đất tầng một của nhà số 66 Cầu Đất (mục 1,4,9,5 - sơ đồ xem xét thẩm định tại chỗ ngày 30/7/2020).

Đối với phần diện tích đất 34,5m<sup>2</sup> (nay là nhà số 64 phố R) trước đây là diện tích đất của nhà số 66 đường R đã được xây dựng thành nhà ở riêng lẻ, do vợ

chồng ông E''' quản lý, nguyên đơn không rõ vì sao họ sử dụng diện tích đất này nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Còn phần diện tích đất tại tầng 1 gồm nhà ở riêng lẻ 44,1m<sup>2</sup> (tại mục 3 của sơ đồ xem xét thẩm định tại chỗ ngày 30/7/2020), nhà bếp diện tích 3,7m<sup>2</sup> (tầng 1, mục 2 của sơ đồ xem xét thẩm định tại chỗ ngày 30/7/2020) hiện ông Cao Xuân P'' và bà Mạc Thị Q'' đang quản lý, sử dụng, đã được Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là phần diện tích đất cụ Son Chi T'' đã hiến cho nhà nước và chuyển nhượng cho ông P'' nên nguyên đơn không yêu cầu Toà án chia di sản thừa kế đối với các diện tích này.

*Tại Bản tự khai ngày 30/7/2020, Đơn trình bày ý kiến nhận ngày 10/3/2020 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - ông Đỗ Văn Q; và ông Q với tư cách là người đại diện hợp pháp của chị Đỗ Thị Nga C'', anh Đỗ Thanh D'' (là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan); người đại diện hợp pháp của những người nêu trên là anh Phạm Hải Y trình bày:*

Về quan hệ huyết thống, ông Q thông nhất với lời trình bày của nguyên đơn. Về nguồn gốc ngôi nhà số 66 đường R, quận T, thành phố Hải Phòng: Ngày 22/02/1955 cụ Son Chi T'' và cụ S'' đã mua căn nhà này. Sau ngày giải phóng thành phố Hải Phòng – ngày 13/5/1955, ông Trần X'' (tức Lê X'' là con của cụ S'' và cụ Trần V'') và vợ là bà Nguyễn Thị A''' đã về ở và quản lý nhà cùng cụ Son Chi T'' và cụ S''. Sau khi cụ S'' chết, cụ Son Chi T'' cùng vợ chồng ông X'' và các con chung của ông X'', bà A''' quản lý. Năm 1964, cụ Son Chi T'' kết hôn với cụ Đỗ Thị U''. Do cụ U'' có ngôi biệt thự 03 tầng, diện tích 600m<sup>2</sup> tại số 138 Phố E''' (nay là số 140 phố E''') nên cụ Son Chi T'' về đó sinh sống cùng cụ U'' cho đến lúc chết. Cụ Son Chi T'' giao cho ông X'' toàn quyền trông nom, quản lý, sử dụng nhà số 66 phố R, quận T. Năm 1972, căn nhà số 66 đường R bị bom Mỹ tàn phá, hư hỏng nặng nên vợ chồng bà G' (là chị cả) đã đứng ra tu sửa lại. Năm 1979, vợ chồng ông Q và bà Trần Thị B''' (là con gái ông X'') đi du học tại Ba Lan về nước được cụ Son Chi T'' và ông X'' cho ở cùng. Thời điểm này vợ chồng bà G', ông O'' ở tại căn phòng có diện tích rộng hơn căn phòng của vợ chồng ông Q, bà B'''. Kể từ thời điểm đó cho đến nay, ông Q sinh sống ổn định, trông nom căn nhà trên. Quá trình ở căn nhà, vợ chồng ông Q đã tu sửa căn nhà. Ngày 01/10/1991, cụ U'' có viết Giấy khước từ quyền thừa kế di sản của chồng (cụ Son Chi T'') đối với ngôi nhà số 66 đường R và đồng ý để ngôi nhà này cho các cháu của cụ Son Chi T''. Ngày 20/9/1998, cụ U'' cùng con trai là ông R'' có đến gặp ông Q nói cần một số tiền để sửa sang nhà cửa và mua sắm chi tiêu. Đồng thời bà Q'', ông R'' cũng nói, sau khi nhận được tiền sẽ viết giấy chuyển nhượng quyền thừa kế của họ đối với căn nhà số 66 đường R cho vợ chồng ông Q. Vợ chồng ông Q đã đưa cho mẹ con cụ U'' 10.000.000 đồng và cụ U'', ông R'' có viết giấy chuyển nhượng quyền thừa kế ngôi nhà trên. Như vậy, cụ U'' và ông R'' đã hai lần chuyển nhượng và từ bỏ quyền thừa kế đối với ngôi nhà trên.

Khi còn sống cụ Son Chi T'' đã chuyển nhượng 01 gian ở tầng 1 của ngôi nhà số 66 và 01 phần công trình phụ khoảng 4,0m<sup>2</sup> ở sân cho vợ chồng ông P'', bà Q''. Cụ Son Chi T'' còn bán cho vợ chồng ông I'', bà Cảnh 01 phòng khoảng 16,0m<sup>2</sup> là khu phụ tầng 2 của ngôi nhà. Sau đó vợ chồng ông I'', bà Cảnh chuyển nhượng lại cho vợ chồng ông O'', bà G' (là con gái của ông X'').

Khi vợ chồng ông Q về ở tại ngôi nhà số 66 đường R thì đã thấy bố mẹ của ông E''' đã xây nhà nằm trên phần ngõ đi là một phần trong tổng số diện tích đất thuộc quyền sử dụng của cụ Son Chi T'' và cụ S''. Diện tích này khoảng 30,0m<sup>2</sup> nay là nhà số 64 phố R. Lý do vì sao gia đình ông E''' lại ở trên phần diện tích đất này thì ông Q không biết. Như vậy ngoài phần diện tích đã chuyển nhượng cho vợ chồng ông P'', bà Q'' và vợ chồng ông O'', bà G' thì phần diện tích còn lại của ngôi nhà số 66 đường R là di sản của cụ Son Chi T'' và cụ S'' để lại. Nay nguyên đơn khởi kiện chia di sản thừa kế của cụ Son Chi T'' và cụ S'', ông Q đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Đơn đề nghị ngày 10/6/2021, ông Đỗ Văn Q trình bày: Do tuổi cao sức yếu nên ông Q uỷ quyền cho anh Phạm Hải Y tham gia tố tụng trong vụ án. Đồng thời cũng uỷ quyền cho anh Y cả phần công việc ông Q đã nhận uỷ quyền của hai con đẻ là chị C'' và anh D''.

*Tại Văn bản trình bày và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn – bà Trần Thị G', bà Trần Thị L'; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Trần Thị Việt X'; ông Đỗ Thế O'', người đại diện hợp pháp của những người nêu trên là anh Phạm Hải Y; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Nguyễn Thị Thanh E'', anh Trần Duy N'', anh Trần Vinh M''; anh Nguyễn Đức Q' và anh R' thống nhất trình bày:*

Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xác nhận mối quan hệ huyết thống như nguyên đơn đã trình bày. Ông X'' là con trai của cụ S'' và cụ Trần V''. Ông X'' và vợ cả là bà Nguyễn Thị A''' sinh được 06 người con chung là bà G', bà X', bà B''', bà L', ông C''' và bà O'. Bà B''' chết năm 2005, chồng con của bà B''' là ông Q và các con chung là chị Đỗ Thị Nga C'', anh Đỗ Thanh D''. Ông C''' chết năm 2018, vợ con của ông C''' là bà Nguyễn Thị Thanh E'' và các con chung là anh Trần Duy N'' và anh Trần Vinh M''. Bà O' chết ngày 02/11/2019 tại Cộng hoà Liên bang Đức, có con chung là anh Nguyễn Đức Q' với người chồng là ông Nguyễn Bá P' và con chung là anh R' với ông D'''. Trước thời điểm bà O' chết thì bà O' đã ly hôn với cả hai người chồng này.

Ông X'' có vợ hai là bà Nguyễn Thị U' và có một người con chung là chị Trần Thị Phương S'.

Các đương sự đều nhất trí với lời trình bày của ông Q về nguồn gốc, diễn biến quá trình sử dụng ngôi nhà. Ngôi nhà số 66 đường R, quận T hiện do ông Q quản lý. Ông Q chỉ là người ở nhờ cụ Son Chi T'' và cụ U''.

Tại bản tường trình do ông O'', bà G' viết ngày 25/12/2018, gửi cho Toà án ngày 26/5/2021 thì: Năm 1970, bà G', ông O'' kết hôn. Do không có nhà ở nên vợ chồng bà G' về ở căn nhà số 66 đường R. Năm 1964, cụ Son Chi T'' lấy cụ U'' làm vợ kế, nhưng nhà ai người ấy ở. Cụ Son Chi T'' và cụ U'' có chuyển nhượng 01 căn phòng tầng 1 sát cầu thang cho ông P'', bà Q''; bán 01 căn phòng nhỏ trên tầng 2 (là bếp) cho ông G'', bà H''. Ngày 18/4/1990 vợ chồng bà G' mua lại căn buồng của ông Đỗ Bá I'' tại tầng 2 nhà số 66 đường R với giá 18 chỉ vàng. Căn buồng này trước đó cụ Son Chi T'' và cụ U'' đã bán cho ông Hoàng Ngọc G'' và bà Đỗ Bích Loan. Sau này ông G'', bà H'' vào Nam sinh sống nên uỷ quyền cho ông Đỗ Bá I'' toàn quyền sở hữu định đoạt. Diện tích của căn buồng khoảng 12,0m<sup>2</sup>, có gác lửng bằng gỗ và một hành lang từ nhà ra cầu thang. Năm 1978, vợ chồng bà B'', ông Q đi du học tại Ba Lan về được cụ Son Chi T'' cho ở nhờ tại số 66 đường R. Quá trình vợ chồng ông O'', bà G' và vợ chồng ông Q, bà B'' sinh sống ở ngôi nhà số 66 đường R đã có công tu sửa ngôi nhà. Ngôi nhà số 66 đường R không thuộc quyền sở hữu của bất kỳ ai mà phải căn cứ vào quy định của pháp luật về thừa kế để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên hoà giải ngày 15/01/2021 và ngày 22/4/2021, anh Phạm Hải Y – người đại diện hợp pháp của ông Q, bà L', bà X', bà G', ông O'', chị C'', anh D'' trình bày: Để tạo điều kiện cho vụ án được giải quyết nhanh chóng cũng như hỗ trợ khó khăn cho nguyên đơn. Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhất trí với phương án hoà giải, cụ thể: Đồng ý phân chia di sản thừa kế của cụ Son Chi T'' và cụ S'' cho nguyên đơn 50%; 50% cho bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quan hệ huyết thống với cụ S'' theo giá trị mà Chứng thư thẩm định giá đã xác định.

*Tại Đơn đề nghị ngày 16/10/2018, Bản tự khai ngày 26/4/2019, Đơn đề nghị nhận ngày 05/5/2021, bị đơn – chị Trần Thị Phương S' và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Nguyễn Thị U', thống nhất trình bày:*

Bà U' và chị S' xác nhận mối quan hệ huyết thống đúng như nguyên đơn, bị đơn trình bày. Bà U' là vợ kế của ông X'', hai người kết hôn năm 1975, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền và có một người con chung là chị S'. Về nguồn gốc, quá trình sử dụng ngôi nhà số 66 đường R, bà U' và chị S' nhất trí với lời trình bày của bị đơn. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Son Chi T'' và cụ S'' thì đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự. Bà U' và chị S' đề nghị Toà án xét xử vụ án vắng mặt họ.



*Tại Biên bản lấy lời khai ngày 17/5/2019, ngày 03/3/2021 và văn bản ngày 25/9/2020, bà Nguyễn Thị Thanh E'', anh Trần Duy N'' và anh Trần Vinh M'' thống nhất trình bày:*

Chồng của bà E'' là ông Trần Thọ C''. Ông C'' và bà E'' sinh được hai người con chung là: Anh Trần Duy N'' và anh Trần Vinh M''. Bà E'' xác nhận quan hệ huyết thống của gia đình ông C'' đúng như bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã trình bày. Nay vì lý do sức khỏe, bà E'' uỷ quyền cho con trai là anh Trần Duy N'' tham gia tố tụng. Trước đây Toà án Ngô Quyền đã xét xử vụ án, bà E'' không đồng ý với bản án vì không đưa hết những người thuộc diện thừa kế của cụ Son Chi T'' và cụ S'' vào tham gia tố tụng là không đúng quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã uỷ thác cho Toà án nhân dân quận I'', thành phố Hà Nội lấy lời khai của bà E''. Tuy nhiên, bà E'' từ chối trình bày vì lý do sức khỏe yếu. Hiện tại bà E'' đã uỷ quyền cho con trai là anh Trần Duy N'' đại diện hợp pháp tham gia tố tụng tại Toà án.

Ngày 31/5/2021, anh Trần Duy N'' là người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị Thanh E'' và anh Trần Vinh M'', có đơn trình bày: Nhất trí với quan điểm của anh Phạm Hải Y đề xuất hướng giải quyết vụ án, cụ thể phân chia giá trị căn nhà số 66 đường R theo giá thị trường 50% cho nguyên đơn và 50% cho các con cháu, chất của ông Trần X'', đồng thời đề nghị Toà án xét xử vụ án vắng mặt bà E'', anh N'' và anh M''.

*Tại văn bản ngày 13/8/2018 và ngày 01/6/2021, ông Cao Xuân P'' trình bày:*

Ngày 21/4/1999, ông Cao Xuân P'' và bà Mạc Thị Q'' được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở diện tích là 23,57m<sup>2</sup>. Diện tích đất này vợ chồng ông P'', bà Q'' mua của Công ty kinh doanh nhà Hải Phòng theo Nghị định số 61 của Chính Phủ. Ngày 20/10/1984, ông P'', bà Q'' đã mua của cụ Son Chi T'' 01 căn buồng diện tích là 13,8m<sup>2</sup> ngay sau diện tích đất mua của Công ty kinh doanh nhà Hải Phòng và 04m<sup>2</sup> cạnh nhà vệ sinh phía cầu thang lên tầng 2 để làm bếp nấu ăn. Khi nhận chuyển nhượng của cụ Son Chi T'' hai bên có viết giấy tay và có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường S. Phần diện tích đất ông P'', bà Q'' nhận chuyển nhượng của cụ Son Chi T'' chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất cấp cho ông P'', bà Q'' và trên thực tế thì phần ngõ cạnh nhà ông P'', bà Q'' là ngõ đi chung của tầng 1 và tầng 2 nhà số 66 đường R. Ngoài phần diện tích đất thuộc quyền sử dụng của ông P'', bà Q'' tại số 66 đường R thì diện tích sử dụng ở tầng 2, phía trên nhà ông P'' và một phần diện tích tại tầng 1 của số 66 đường R là của cụ Son Chi T''. Từ khi ông P'' về sinh sống tại đây, ông P'' không thấy ông Trần X'' sinh sống tại đây mà chỉ thấy có vợ chồng hai người con gái của ông X'' là vợ chồng bà G' và vợ chồng bà B''' sinh sống. Trước năm 2000, gia đình bà G' chuyển vào sinh sống tại Vũng Tàu. Căn nhà này từ năm

2015 để không, thỉnh thoảng ông Q về qua. Ông P'', bà Q'' đã nhận được toàn bộ các văn bản tố tụng của Toà án. Tuy nhiên, hiện cả ông P'' và bà Q'' đã cao tuổi, không thể có mặt theo giấy triệu tập của Toà án nên đề nghị Toà án xét xử vụ án vắng mặt ông P'', bà Q''.

*Tại phiên tòa sơ thẩm:*

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, và nội dung đã trình bày. Ngoài ra, nguyên đơn còn trình bày: Chứng cứ do anh Y xuất trình là “Giấy xin khước từ quyền hưởng di sản của chồng” ngày 01/10/1991 và “Giấy chuyển nhượng quyền thừa kế” ngày 20/9/1998 không có giá trị pháp lý vì không xác định được đó có phải là chữ ký của ông R'' và cụ U'' hay không; mặt khác giấy tờ này cũng không có chứng thực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Mặt khác, tài liệu để chứng minh ông Trần X'' (tức Lê X'') là con của cụ S'' cũng không có cơ sở. Nay bị đơn đề nghị hoà giải chia đôi giá trị di sản thừa kế là ngôi nhà số 66 đường R và đồng ý để nguyên đơn nhận bằng hiện vật, có trách nhiệm hoàn trả 50% giá trị di sản thừa kế cho các đồng thừa kế của ông Trần X'', để tạo điều kiện thuận lợi cho cả hai bên thì nguyên đơn cũng nhất trí.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn (ông Q, bà G', bà L') và người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (bà X', chị C'', anh D'', ông O'') là anh Phạm Hải Y trình bày: Anh Y đã thông báo qua phương tiện điện tử email cho những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà O' về việc Toà án đang giải quyết tranh chấp về thừa kế di sản thừa kế là ngôi nhà tại số 66 đường R. Anh Nguyễn Đức Q' và anh R' đã gửi văn bản nêu quan điểm; giấy khai sinh của anh Đức Anh và anh R'; giấy chứng tử của bà Trần Thị Kim O' cho anh Y để nộp cho Toà án. Qua nội dung các văn bản tài liệu này thì bà O' và những người chồng của bà O' là ông Hỷ và ông D''' đều đã ly hôn nên người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà O' chỉ còn hai người con của bà O' là anh Nguyễn Đức Q' và anh R'. Anh Đức Anh và anh R' đã uỷ quyền cho anh Y và khước từ quyền được hưởng di sản thừa kế đối với tài sản đang tranh chấp và đề nghị Toà án xét xử vụ án vắng mặt họ (văn bản này chưa có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền). Tại phiên tòa anh Y cam kết những thông tin trình bày là đúng sự thật, chịu trách nhiệm về việc cung cấp các thông tin này; cam kết có trách nhiệm thông tin các văn bản tố tụng của Toà án gửi cho chị C'', anh D'', anh Đức Anh và anh R'. Anh Y còn trình bày, bà G' và ông O'' không yêu cầu Toà án giải quyết phần tài sản đã mua của ông I'', bà Cúc mà đồng ý nhập vào phần di sản của cụ Son Chi T'' và cụ S''. Ông Q và vợ chồng ông O'', bà G' cũng không yêu cầu giải quyết về công sức tu sửa ngôi nhà. Anh Y đại diện cho đa số những người được thừa kế của ông X'', đề xuất phương án phân chia di sản thừa kế của cụ Son Chi T'' và cụ S'' cho nguyên đơn 50% giá trị di sản; còn những người được hưởng thừa kế của ông Trần X'' 50% giá trị di sản.

*Đại diện Viện Kiểm sát thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến:*

*Về thủ tục tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Về việc giải quyết vụ án:* Tại phiên tòa, các đương sự có mặt thoả thuận được với nhau về việc phân chia di sản thừa kế mỗi bên 50% giá trị di sản thừa kế. Xét thấy các tài liệu chứng cứ do anh Y nộp, có nội dung cụ U'', ông R'' đã đồng ý nhường lại quyền hưởng thừa kế cho vợ chồng ông Q do đã nhận 10.000.000 đồng của vợ chồng ông Q, bà B''' là chưa đủ căn cứ pháp lý. Việc các đương sự có mặt thoả thuận về việc phân chia di sản thừa kế nêu trên không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận việc phân chia di sản thừa kế cho những người có quyền hưởng thừa kế của cụ Son Chi T'' và cụ S'' theo hướng nêu trên.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

- Về tố tụng:

[1] Quan hệ tranh chấp của vụ án là tranh chấp về thừa kế tài sản quy định tại khoản 5 Điều 26, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Tại phiên tòa, chị Trần Thị Phương S', bà Nguyễn Thị U', ông Cao Xuân P'' và bà Mạc Thị Q'' vắng mặt đề nghị xét xử vắng mặt; ông Nguyễn Bá P', anh Nguyễn Đức Q', anh R' vắng mặt nên căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt họ.

[3] Về pháp luật áp dụng: Cụ S'' và cụ Son Chi T'' chết trước năm 1995, nay có yêu cầu về chia di sản thừa kế thì áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự năm 1995 để giải quyết - quy định tại điểm b khoản 2 Nghị quyết số 45/2005-QH11 ngày 14/6/2005 của Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam về việc thi hành Bộ luật Dân sự năm 2005.

[4] Về thời hiệu khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế: Cụ S'' và cụ Son Chi T'' chết trước ngày 10/9/1990. Vụ án được thụ lý vào ngày 14/01/2020, các đương sự không ai đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện nên theo quy định tại khoản 1 Điều 623 của Bộ luật Dân sự năm 2015 còn thời hiệu yêu cầu chia di sản thừa kế.

[5] Tại phiên tòa ngày 29/10/2021 anh Y nộp tài liệu thể hiện bà O' đã ly hôn với ông Nguyễn Bá P' (Nguyễn Bá P'). Người chồng mới của bà O' là ông D''' nhưng anh Nguyễn Đức Q' và anh R' đều xác nhận tại thời điểm trước khi

bà O' chết thì bà O' đã ly hôn. Tại Giấy chứng tử của bà O' cũng xác nhận tình trạng của bà O' là độc thân nên xét thấy không cần đưa ông Nguyễn Bá P' và ông D''' vào tham gia tố tụng trong vụ án.

[6] Anh Y cũng cam kết các tài liệu của anh Nguyễn Đức Q' và anh R' do anh Y nộp cho Toà án là được họ gửi qua đường bưu điện, anh Y đã in và dịch sang Tiếng Việt. Anh Y cam kết về tính xác thực của các tài liệu này và cũng cam kết sẽ nhận thay các văn bản tố tụng của Toà án và có trách nhiệm thông báo cho chị C'', anh D'', anh Đức Anh, anh R'.

- Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[7] Về quan hệ huyết thống: Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự và các tài liệu có trong hồ sơ xác định được:

[7.1] Cụ Son Chi T'' (chết năm 1986) và cụ Vương Thị S'' (chết năm 1957) có quan hệ là vợ chồng, hai cụ không có con chung. Trước khi kết hôn với cụ Son Chi T'' thì cụ S'' đã có chồng là cụ Trần V'' (chết năm 1932) và có hai người con chung là ông Trần X'' (tức Lê X'') và bà Trần Thị Y'' (liệt sĩ, chết năm 1947).

[7.2] Sau khi cụ S'' chết, năm 1964 cụ Son Chi T'' kết hôn với cụ Đỗ Thị U'' (chết năm 1999) và có một người con chung là ông Tô Quỳnh R'' (chết năm 2015).

[7.3] Ông Trần X'' có hai người vợ. Người vợ thứ nhất là bà Nguyễn Thị A''' (chết năm 1973). Ông X'', bà A''' có 06 người con chung là: Bà Trần Thị G', bà Trần Thị Việt X', bà Trần Thị B''' (chết năm 2005), bà Trần Thị L', ông Trần Thọ C''' (chết năm 2018) và bà Trần Thị Kim O' (chết năm 2019).

[7.3.1] Bà Trần Thị B''' (chết năm 2005) có chồng là ông Đỗ Văn Q và có hai người con chung là chị Đỗ Thị Nga C'' và anh Đỗ Thanh D''.

[7.3.2] Ông Trần Thọ C''' (chết năm 2018) có vợ là bà Nguyễn Thị Thanh E'' và 02 người con chung là anh Trần Duy N'' và anh Trần Vinh M''.

[7.3.3] Bà Trần Thị Kim O' (chết năm 2019) có người chồng thứ nhất là ông Nguyễn Bá P' và người chồng thứ hai ông D''' và có hai người con chung với hai người chồng là anh Nguyễn Đức Q' và anh R'. Trước khi chết, bà O' đã ly hôn với cả hai người chồng.

[7.4] Ông Trần X'' (chết năm 2015) kết hôn với bà Nguyễn Thị U' (vợ thứ hai), sinh được một người con chung là chị Trần Thị Phương S'.

[7.5] Ông Tô Quỳnh R'' (chết 2015) là con chung của cụ Son Chi T'' và cụ U'' có vợ là bà B'''ng Thị A và có hai con chung là chị Tô Thanh K và chị Tô Mỹ O.

[8.1] Về nguồn gốc ngôi nhà số 66 đường R, quận T, thành phố Hải Phòng: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của các đương sự: Nhà số 66 đường R, phường S, quận T, thành phố Hải Phòng nằm trên thửa đất C-11-191, mang Bằng khoán 164P HAIPHONG BONNAL (Hai Phong Sông Lấp). Thửa đất có diện tích toàn thửa là 163,0m<sup>2</sup>, nguyên chủ sở hữu là cụ Lưu Thị Tám. Ngày 12/02/1955, cụ Lưu Thị Tám lập Văn tự đoạn mại bất động sản chuyển nhượng căn nhà số 66 đường R cho cụ Sơn Chi T'' (Sơn Chi T''), Quốc tịch Trung Hoa và vợ là cụ Vương Thị S''. Văn tự này được chính quyền cũ nhận thực. Ngày 01/3/1955, Ty Bảo thủ điền thổ Hải Phòng đã xác nhận quyền sở hữu cho cụ Sơn Chi T'' và vợ là cụ S''. Ngày 07/01/1961, cụ Sơn Chi T'' đã bàn giao một phần diện tích ở tầng 1 số nhà 66 phố R cho Nhà nước quản lý. Ngày 01/4/1996, Công ty Kinh doanh nhà ký Hợp đồng thuê nhà ở số 3650NQ cho bà Mạc Thị Q'' và các thành viên trong Hợp đồng thuê nhà. Ngày 23/12/1998 bà Q'' và chồng là ông P'' đã ký Hợp đồng mua bán nhà ở với Công ty kinh doanh nhà, hoàn tất nghĩa vụ tài chính với Nhà nước. Ngày 21/4/1999, Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở cho bà Mạc Thị Q'' và chồng là ông Cao Xuân P'' diện tích sử dụng 23,67m<sup>2</sup> tầng 1 nhà số 66 đường R diện mua nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước theo Nghị định 61/CP ngày 05/7/1994 của Chính Phủ (chính là phần diện tích cụ Sơn Chi T'' bàn giao cho nhà nước quản lý).

[8.2] Ngày 01/3/1982 cụ Sơn Chi T'' và cụ Đỗ Thị U'' đã bán cho bà Đỗ Bích Loan và chồng là ông Hoàng Ngọc G''' căn buồng trước đây là bếp của gác 2 số nhà 66 đường R, diện tích 12,0m<sup>2</sup> và hành lang diện tích là 8,0m<sup>2</sup>. Hai bên có lập văn tự bán nhà và có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường S. Ngày 08/11/1982, vợ chồng bà H''' và ông G''' đã viết Giấy uỷ quyền cho anh ruột của bà H''' là ông Đỗ Bá I''' được toàn quyền sở hữu (để ở hoặc bán khi cần thiết). Ngày 18/4/1990, ông Đỗ Bá I''' cùng vợ là bà Nguyễn Thị K''' đã chuyển nhượng lại cho vợ chồng ông Đỗ Thế O'' và bà Trần Thị G' căn buồng 12,0m<sup>2</sup> và diện tích hành lang 8,0m<sup>2</sup>, đồng thời giao lại cho ông O'', bà G' giấy bán nhà của cụ Sơn Chi T'' và 01 giấy uỷ quyền của bà Đỗ Bích Loan cho ông I'''.

[9.1] Bị đơn – ông Q nộp bản chính “Giấy xin khước từ quyền hưởng di sản của chồng” ngày 01/10/1991 và “Giấy chuyển nhượng quyền thừa kế” ngày 20/9/1998. Theo nội dung “Giấy xin khước từ quyền hưởng di sản của chồng” thì: Cụ U'' là vợ lẽ của cụ Sơn Chi T''. Cụ Sơn Chi T'' và người vợ cả có tài sản là bất động sản tại số 66 đường R có một ngôi nhà 02 tầng, gồm 04 buồng ở, một bếp trên diện tích đất 163,0m<sup>2</sup> (trừ diện tích một buồng tại tầng 1 giáp mặt đường diện tích 28,0m<sup>2</sup> do nhà nước quản lý). Khi cụ Sơn Chi T'' còn sống, cụ U'' đã cùng chồng bán đi 02 buồng diện tích 29,6m<sup>2</sup> của khối tài sản trên. Cụ U'' xét thấy: Tài sản riêng của chồng tại số 66 đường R, cụ U'' đã cùng chồng bán đi 02 buồng. Tài sản riêng

cụ U'' tại số 140 phố E''' thì lại quá rộng. Trong khi đó, con trai duy nhất của cụ U'' là ông R'' đã trốn đi nước ngoài từ năm 1989. Cụ U'' đã già, chỉ có một mình, không có nhu cầu về nhà ở. Do vậy, cụ U'' viết giấy này thay mặt con trai xin khước từ quyền hưởng di sản của chồng tại số 66 đường R. Phần tài sản còn lại tại số 66 đường R, cụ U'' nhường lại cho con riêng và các cháu của chồng hiện đang ở tại số nhà đó sử dụng. Giấy khước từ này được đánh máy, có chữ ký tên Bích, họ và tên "Đỗ Thị U''" là chữ đánh máy.

[9.2] Theo nội dung "Giấy chuyển nhượng quyền thừa kế" ngày 20/9/1998 thì: Cụ Tô Thị Bích và ông Tô Quỳnh R'' được hưởng phần quyền thừa kế một bất động sản thuộc số nhà 66 đường R mang bằng khoán điền thổ 164-P Hải Phòng Bonnal ngày 01/3/1955 là tài sản của chồng cụ U'' là cụ Sơn Chi T'' và vợ cả là cụ Vương Thị S'' đã chết để lại. Căn hộ này từ trước đến nay được ông X'' (là con của cụ S'') cùng vợ chồng ông Q và bà B''' quản lý, sử dụng, tu sửa hơn 20 năm qua. Nay do điều kiện kinh tế của hai mẹ con cụ U'', ông R'' khó khăn nên đồng ý chuyển nhượng quyền thừa kế của hai mẹ con cho vợ chồng bà B'', ông Q với số tiền 10.000.000 đồng. Văn bản này có chữ ký, chữ viết tên Trần Thị B'', Đỗ Văn Q; Đỗ Thị U'', Tô Quỳnh R'', chữ ký, chữ viết người làm chứng Phạm Thu Thủy, Cao Nguyên Ngọc.

[9.3] "Giấy xin khước từ quyền hưởng di sản của chồng" ngày 01/10/1991 và "Giấy chuyển nhượng quyền thừa kế" ngày 20/9/1998 đều không có xác nhận của chính quyền địa phương hoặc chứng thực của cơ quan có thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án này, nhiều lần Toà án có thông báo yêu cầu bị đơn - ông Q, các bị đơn khác là con của ông X'', bà A''' nộp bản chính nhưng họ không thực hiện, chỉ đến khi Toà án mở phiên toà xét xử - ngày 29/10/2021, anh Y mới nộp cho Toà án bản chính các tài liệu này.

[9.4] Tài liệu là bản phô tô "Đơn xin giải quyết thừa kế tài sản" ngày 10/9/1994, người đứng đơn là cụ Đỗ Thị U'' gửi Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng; Sở Xây dựng thành phố Hải Phòng và Phòng Công chứng Nhà nước thành phố Hải Phòng (do anh Y nộp). Nội dung đơn cụ U'' trình bày cụ U'' kết hôn với cụ Sơn Chi T'' năm 1964 là vợ thứ hai, vợ cả là cụ S''. Cụ S'' và cụ Sơn Chi T'' không có con chung; còn cụ Sơn Chi T'' và cụ U'' có một con chung là ông R''. Sau khi cụ Sơn Chi T'' chết có để lại tài sản là ngôi nhà số 66 đường R (trừ phần diện tích nhà nước đã quản lý). Hiện tại tài sản do con và cháu của ông Trần X'' là con riêng của cụ S'' quản lý, sử dụng nên cụ U'' đề nghị giải quyết chia di sản thừa kế của cụ Sơn Chi T'' để lại.

[10] Tại phiên toà, các đương sự có mặt đều thống nhất xác nhận cụ Sơn Chi T'' và cụ Tao chết không để lại di chúc. Khi còn sống các cụ đã bàn giao cho nhà nước phần diện tích đất hiện ông P'' và bà Q'' đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; đồng thời cụ Sơn Chi T'' đã chuyển nhượng cho ông P'', bà Q'' một

phần diện tích giáp diện tích đất họ đã mua của nhà nước; một nhà bếp tầng 1 diện tích 3,7m<sup>2</sup> (STT2 Sơ đồ hiện trạng ngày 30/7/2020). Do vậy di sản thừa kế của cụ Son Chi T'' và cụ S'' chỉ còn: *Mặt bằng tầng 1*: Ngõ đi diện tích 20,2m<sup>2</sup> (STT1); Nhà vệ sinh diện tích xây dựng và diện tích sàn 6,5m<sup>2</sup> (STT9); Cầu thang diện tích 5,9m<sup>2</sup> (STT4); Nhà xe và nhà vệ sinh diện tích xây dựng và diện tích sàn 38,3m<sup>2</sup>. *Mặt bằng tầng 2*: Nhà ở riêng lẻ diện tích xây dựng và diện tích sàn 57,3m<sup>2</sup>; Nhà bếp diện tích xây dựng và diện tích sàn 16,4m<sup>2</sup>; Hành lang diện tích xây dựng và diện tích sàn 8,8m<sup>2</sup> (theo Sơ đồ hiện trạng ngày 30/7/2020).

[11] Tại phiên toà, anh Phạm Hải Y đại diện hợp pháp của ông Q, bà G', bà L', bà X', ông O'', chị C'', anh D'' xác nhận các tài liệu “Giấy xin khước từ quyền hưởng di sản của chồng” ngày 01/10/1991 và “Giấy chuyển nhượng quyền thừa kế” ngày 20/9/1998 đã nộp cho Toà án ngày 29/10/2021 không chặt chẽ về mặt pháp lý. Nếu căn cứ theo quy định của pháp luật thì ông Trần X'' là con riêng của cụ S'' chỉ được hưởng phần di sản thừa kế của cụ S'' là  $\frac{1}{4}$  khối di sản thừa kế của cụ Son Chi T'' và cụ S'' để lại; còn con trai của cụ Son Chi T'' là ông Tô Quỳnh R'' được hưởng phần di sản thừa kế do cụ Son Chi T'' để lại là  $\frac{3}{4}$  khối di sản thừa kế của cụ Son Chi T'' và cụ S'' để lại. Tuy nhiên, di sản thừa kế của cụ Son Chi T'' và cụ S'' để lại một phần diện tích đã được chuyển nhượng cho vợ chồng ông O'', bà G'. Vợ chồng ông O'', bà G'; ông Q, bà B''' đã nhiều năm sinh sống tại đó đã có công gìn giữ khối di sản và đã tu tạo, sửa chữa nhiều mới được như hiện tại. Các con chung của ông X'' và bà A''' thấy rằng để tạo điều kiện thuận lợi và đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho cả nguyên đơn, bị đơn và những người liên quan thuộc diện thừa kế trong vụ án này thì vợ chồng ông O'', bà G', ông Q và các con của ông Q với bà B''' thống nhất không yêu cầu Toà án tính công sức trông coi, bảo quản, công sức tu sửa ngôi nhà. Ông O'', bà G' đồng ý nhập phần tài sản đã mua vào khối di sản thừa kế đồng thời đề xuất phân chia di sản thừa kế của cụ Son Chi T'' và cụ S'' để lại cho những người được thừa kế của ông R'' (bà A, chị K và chị O) 50% giá trị di sản thừa kế; 50% giá trị di sản thừa kế còn lại chia cho những người có quyền hưởng thừa kế của ông Trần X''. Những người được quyền thừa kế của ông Trần X'' sẽ nhận bằng giá trị; nguyên đơn có trách nhiệm hoàn trả 50% giá trị di sản thừa kế cho các thừa kế khác và được toàn quyền sử dụng hiện vật di sản thừa kế của cụ Son Chi T'' và cụ S'' để lại đã được mô tả cụ thể tại sơ đồ hiện trạng ngày 30/7/2020. Đề nghị Toà án phân chia phần cụ thể cho các đồng thừa kế của ông Trần X'' theo quy định của pháp luật. Giá trị di sản thừa kế được xác định tại Chứng thư định giá bất động sản số 109/2020/CT-999 ngày 23/11/2020 của Công ty TNHH Giám định – định giá 999). Tại phiên toà, nguyên đơn nhất trí với toàn bộ đề xuất của anh Phạm Hải Y.

[12] Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ: Diện tích đất hiện trạng nhà số 66 phố R là 123,7m<sup>2</sup>.

[12.1] Phân diện tích và tài sản ông Đỗ Văn Q đang quản lý, sử dụng bao gồm: *Mặt bằng tầng 1*: Ngõ đi diện tích 20,2m<sup>2</sup> (STT1); Nhà vệ sinh diện tích xây dựng và diện tích sàn 6,5m<sup>2</sup> (STT9); Cầu thang diện tích 5,9m<sup>2</sup> (STT4); Nhà xe và nhà vệ sinh diện tích xây dựng và diện tích sàn 38,3m<sup>2</sup>. *Mặt bằng tầng 2*: Nhà ở riêng lẻ diện tích xây dựng và diện tích sàn 57,3m<sup>2</sup>; Nhà bếp diện tích xây dựng và diện tích sàn 16,4m<sup>2</sup>; Hành lang diện tích xây dựng và diện tích sàn 8,8m<sup>2</sup> (theo Sơ đồ hiện trạng ngày 30/7/2020).

[12.2] Gian bếp tầng 1: Diện tích xây dựng và diện tích sàn 3,7m<sup>2</sup>. Nhà ở diện tích 44,1m<sup>2</sup> tại tầng 1 theo Sơ đồ hiện trạng ngày 30/7/2020 (bao gồm cả diện tích đất ông P'' đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và diện tích đất mua của cụ Son Chi T'' hiện chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Tài sản này do vợ chồng ông P'', bà Q'' quản lý, sử dụng. Hiện tại, ông P'', bà Q'' đã được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất số hồ sơ gốc 1703 ngày 21/4/1999 do Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng cấp; địa chỉ thửa đất số 66 tầng 1 đường R. Trong đó: Tổng diện tích sử dụng là 23,67m<sup>2</sup>; diện tích xây dựng 24,44m<sup>2</sup>, số tầng: Tầng 1 của nhà 2 tầng.

[12.3] Ngõ đi: Diện tích 20,2m<sup>2</sup> (theo Sơ đồ hiện trạng ngày 30/7/2020).

[13] Kết quả định giá tài sản: Theo Chứng thư định giá bất động sản ngày 23/11/2020 của Công ty TNHH Giám định – định giá 999 thì giá trị tài sản đang tranh chấp hiện do ông Đỗ Văn Q đang quản lý, sử dụng là 13.880.900.000 đồng (bao gồm cả giá trị ngõ đi).

[14] Tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 21/4/1999 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng cấp cho ông P'' và bà Q'' thì ghi là ngõ đi chung. Ông P'', bà Q'' cũng trình bày là ngõ đi chung của cả tầng 1 và tầng 2 nhà số 66 đường R. Nguyên đơn, bị đơn và những người liên quan (trừ ông P'', bà Q'') thì trình bày: Ngõ đi diện tích hiện trạng 20,2m<sup>2</sup> là ngõ đi chung của những người sinh sống tại gác 2 nhà số 66 đường R, không phải ngõ đi chung của tầng 1 và tầng 2 số 66 đường R. Tuy nhiên, trong vụ án này nguyên đơn đồng ý xác nhận tính toàn bộ giá trị ngõ để phân chia di sản thừa kế cho các bên. Sau này nếu có tranh chấp về ngõ đi thì nguyên đơn sẽ chịu trách nhiệm, không liên quan đến bị đơn và những người được quyền thừa kế của ông Trần X''.

[15] Từ những nội dung trên, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[15.1] Cụ Son Chi T'' và cụ Vương Thị S'' có quan hệ là vợ chồng. Các cụ không có con chung. Các cụ chết không để lại di chúc. Cụ Son Chi T'' có một người con chung với cụ U'' là ông R''. Cụ S'' có người con riêng là ông Trần X''.

[15.2] Tài sản chung của cụ Son Chi T'' và cụ S'' là ngôi nhà số 66 đường R bao gồm cả tầng 1 và tầng 2. Tuy nhiên, quá trình sử dụng cụ Son Chi T'' và cụ



S'' đã bàn giao một phần diện tích đất tại tầng 1 cho nhà nước quản lý, sau này Công ty Kinh doanh nhà Hải Phòng ký Hợp đồng thuê nhà ở số 3650NQ cho bà Mạc Thị Q'' và các thành viên trong gia đình thuê nhà. Ngày 23/12/1998 bà Q'' và chồng là ông P'' đã ký Hợp đồng mua bán nhà ở với Công ty kinh doanh nhà, hoàn tất nghĩa vụ tài chính với Nhà nước. Ngày 21/4/1999, Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở cho bà Mạc Thị Q'' và chồng là ông Cao Xuân P'' tầng 1 nhà số 66 đường R. Quá trình sử dụng ngôi nhà số 66 đường R, ngày 01/3/1982 cụ Son Chi T'' và cụ Đỗ Thị U'' đã bán cho bà Đỗ Bích Loan và chồng là ông Hoàng Ngọc G''' căn buồng trước đây là bếp của gác 2 số nhà 66 đường R, diện tích 12,0m<sup>2</sup> và hành lang diện tích là 8,0m<sup>2</sup>. Ngày 20/10/1984, cụ Son Chi T'' tiếp tục chuyển nhượng diện tích đất 17,6m<sup>2</sup> tiếp giáp với phần diện tích ông P'', bà Q'' đã mua của nhà nước (trừ đi 3,8m<sup>2</sup> để làm lối đi lên tầng gác) và 4,0m<sup>2</sup> sân sau để ông P'', bà Q'' làm bếp. Tuy nhiên, ông O'' và bà G' đồng ý nhập phần tài sản đã mua của ông I'', bà Cúc vào khối di sản của cụ Son Chi T'' và cụ S'' nên di sản thừa kế của cụ Son Chi T'' và cụ S'' bao gồm: *Mặt bằng tầng 1*: Ngõ đi diện tích 20,2m<sup>2</sup> (STT1); Nhà vệ sinh diện tích xây dựng và diện tích sàn 6,5m<sup>2</sup> (STT9); Cầu thang diện tích 5,9m<sup>2</sup> (STT4); Nhà xe và nhà vệ sinh diện tích xây dựng và diện tích sàn 38,3m<sup>2</sup>. *Mặt bằng tầng 2*: Nhà ở riêng lẻ diện tích xây dựng và diện tích sàn 57,3m<sup>2</sup>; Nhà bếp diện tích xây dựng và diện tích sàn 16,4m<sup>2</sup>; Hành lang diện tích xây dựng và diện tích sàn 8,8m<sup>2</sup> (theo Sơ đồ hiện trạng ngày 30/7/2020).

[15.3] Người đại diện hợp pháp của các con của ông Trần X'' và bà A''' xác nhận các tài liệu chứng cứ đã nộp liên quan đến nội dung bà Q'' và ông R'' đã chuyển nhượng quyền thừa kế cho vợ chồng ông Q, bà B''' và khước từ quyền hưởng thừa kế để nhường lại cho con riêng của cụ Son Chi T'' là chưa có căn cứ vững chắc về mặt pháp lý nên tự nguyện thỏa thuận phân chia khối di sản thừa kế giữa người được quyền thừa kế của ông R'' với những người được quyền thừa kế của ông Trần X'' mỗi bên 50% di sản thừa kế. Cụ Son Chi T'' và ông Trần X'' không có quan hệ chăm sóc nuôi dưỡng nhau nên ông Trần X'' không được hưởng di sản thừa kế của cụ Son Chi T''. Mặt khác với các tài liệu là bản chính do anh Y nộp tại phiên tòa chưa có cơ sở để khẳng định các tài liệu này do ai lập, có đúng chữ ký của cụ Đỗ Thị U'' và ông Tô Quỳnh R'' không nên không thể xác định được là có việc cụ U'', ông R'' đã chuyển nhượng quyền thừa kế hoặc khước từ quyền hưởng di sản thừa kế của họ hay không. Mặt khác, ông Q, bà B''' cũng không phải là chủ sử dụng hợp pháp của tài sản nên không có quyền quyết định định đoạt đối với tài sản này. Ngoài ra, nội dung các tài liệu do bị đơn nộp không có sự logic với nhau vì nếu cụ U'' đã lập Giấy xin khước từ quyền hưởng di sản của chồng ngày 01/10/1991 thì tại sao ngày 10/9/1994 cụ U'' lại có đơn xin giải quyết thừa kế tài sản (Đơn này do chính bị đơn nộp mà không phải là các nguyên đơn); tiếp theo đến ngày 20/9/1998 lại viết Giấy chuyển

nhượng quyền thừa kế. Nội dung các văn bản này nói về điều kiện kinh tế của cụ U'' không phù hợp với nhau. Do vậy, người đại diện cho đa số các con của ông Trần X'' cho rằng các tài liệu này chưa có căn cứ vững chắc về mặt pháp lý là có cơ sở. Tuy nhiên, tại phiên toà hôm nay đa số các đương sự đã thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy, việc thoả thuận của họ phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với đạo đức xã hội và không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự vắng mặt là bà U' và chị S' và các đương sự khác vì nếu chia theo quy định của pháp luật thì phần di sản thừa kế mà ông Trần X'' được hưởng của cụ S'' chỉ là  $\frac{1}{4}$  giá trị khối di sản thừa kế nên chấp nhận chia di sản thừa kế của cụ Son Chi T'' và cụ S'' theo sự thoả thuận của các đương sự có mặt tại phiên toà. Việc ông O'', bà G' tự nguyện nhập tài sản đã mua vào khối di sản thừa kế của cụ Son Chi T'' và cụ S'' cũng là tự nguyện nên cần chấp nhận. Vì vậy khối di sản thừa kế của cụ Son Chi T'' và cụ S'' có trị giá 13.880.900.000 đồng được phân chia, cụ thể: 50% giá trị khối di sản thừa kế được phân chia cho những người được quyền thừa kế của ông R'' (được hưởng thừa kế của cụ Son Chi T'') là bà A, chị K và chị O. Những người được quyền hưởng thừa kế của ông Trần X'' (được hưởng thừa kế của cụ S'') bao gồm bà G', bà X', bà B'', bà L', ông C'' và bà O', bà U' và chị S'. Do bà B'' chết trước ông Trần X'' nên các con của bà B'' là chị C'' và anh D'' được hưởng thừa kế thế vị của bà B''. Ông C'' chết sau ông Trần X'' nên vợ và con của ông C'' là bà E'', anh N'' và anh M'' được hưởng suất thừa kế của ông C''. Bà O' chết sau ông Trần X'' nên các con của bà O' là anh Đức Anh và anh R' được hưởng suất thừa kế của bà O'. Bà A, chị K và chị O đồng ý nhận hiện vật và có nghĩa vụ hoàn trả bằng tiền cho bà G', bà X', bà B'', bà L', ông C'' và bà O', bà U' và chị S' – các Điều 634, 635, 637, 638, 677, 678, 679, 680 của Bộ luật Dân sự năm 1995.

- Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí định giá tài sản, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:

[16.1] Các đương sự được hưởng di sản thừa kế của cụ Son Chi T'' và cụ S'' đều phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bà G', bà L', bà X', bà E'' và bà U' là những người cao tuổi, có đơn đề nghị miễn án phí nên miễn án phí cho họ. Chị Tô Mỹ O là chưa thành niên nên cũng được miễn án phí. Nguyên đơn bà B''ng Thị A và chị Tô Thanh K mỗi người đã nộp 14.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm nên được khấu trừ vào số tiền án phí phải nộp theo quy định của pháp luật - Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 7 Điều 26, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14; Điều 2 của Luật Người cao tuổi.

[16.2] Ông Đỗ Văn Q, ông Đỗ Thế O'', ông Cao Xuân P'', bà Mạc Thị Q'' không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[17] Về chi phí định giá tài sản và xem xét thẩm định tại chỗ: Nguyên đơn tự nguyện chịu, đã nộp đủ nên không đặt vấn đề giải quyết - Điều 164, Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 634, 635, 637, 638, 677, 678, 679, 680 của Bộ luật Dân sự năm 1995;

Căn cứ vào Điều 147, Điều 164 và Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 7 Điều 26, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Điều 2 của Luật Người cao tuổi.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia di sản thừa kế của cụ Son Chi T'' (Son Chi T'') và cụ Vương Thị S'', cụ thể:

1.1. Bà B'''ng Thị A, chị Tô Thanh K và chị Tô Mỹ O được quyền sử dụng và quyền sở hữu: *Mặt bằng tầng 1*: Nhà vệ sinh diện tích xây dựng và diện tích sàn 6,5m<sup>2</sup> (STT9); Cầu thang diện tích 5,9m<sup>2</sup> (STT4); Nhà xe và nhà vệ sinh diện tích xây dựng và diện tích sàn 38,3m<sup>2</sup>. *Mặt bằng tầng 2*: Nhà ở riêng lẻ diện tích xây dựng và diện tích sàn 57,3m<sup>2</sup>; Nhà bếp diện tích xây dựng và diện tích sàn 16,4m<sup>2</sup>; Hành lang diện tích xây dựng và diện tích sàn 8,8m<sup>2</sup> (theo Sơ đồ hiện trạng ngày 30/7/2020).

*(có Sơ đồ hiện trạng ngày 30/7/2020 kèm theo)*

1.2. Ông Đỗ Văn Q; bà Trần Thị G' và ông Đỗ Thế O'' có nghĩa vụ bàn giao *Mặt bằng tầng 1*: Nhà vệ sinh diện tích xây dựng và diện tích sàn 6,5m<sup>2</sup> (STT9); Cầu thang diện tích 5,9m<sup>2</sup> (STT4); Nhà xe và nhà vệ sinh diện tích xây dựng và diện tích sàn 38,3m<sup>2</sup>. *Mặt bằng tầng 2*: Nhà ở riêng lẻ diện tích xây dựng và diện tích sàn 57,3m<sup>2</sup>; Nhà bếp diện tích xây dựng và diện tích sàn 16,4m<sup>2</sup>; Hành lang diện tích xây dựng và diện tích sàn 8,8m<sup>2</sup> (theo Sơ đồ hiện trạng ngày 30/7/2020) cho bà B'''ng Thị A, chị Tô Thanh K và chị Tô Mỹ O.

1.3. Bà B'''ng Thị A, chị Tô Thanh K và chị Tô Mỹ O được quyền sử dụng ngõ đi 20,2m<sup>2</sup>.

*(có Sơ đồ hiện trạng ngày 30/7/2020 kèm theo)*

1.4. Bà B'''ng Thị A, chị Tô Thanh K và chị Tô Mỹ O có nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được chứng thực quyền sử dụng và sở hữu tài sản nêu trên theo quy định của pháp luật.

2. Bà B''''ng Thị A, chị Tô Thanh K và chị Tô Mỹ O có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Trần Thị G'; bà Trần Thị L'; bà Trần Thị Việt X'; chị Đỗ Thị Nga C'', anh Đỗ Thanh D''; bà Nguyễn Thị Thanh E'', anh Trần Vinh M'', anh Trần Duy N''; anh Nguyễn Đức Q' và anh R'; bà Nguyễn Thị U'; chị Trần Thị Phương S' số tiền 6.940.450.000 đồng (Sáu tỷ chín trăm bốn mươi triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

2.1. Bà B''''ng Thị A, chị Tô Thanh K và chị Tô Mỹ O có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Trần Thị G'; bà Trần Thị L'; bà Trần Thị Việt X'; bà Nguyễn Thị U'; chị Trần Thị Phương S' mỗi người số tiền là 867.556.250 đồng (Tám trăm sáu mươi bảy triệu năm trăm năm mươi sáu nghìn hai trăm năm mươi đồng);

2.2. Bà B''''ng Thị A, chị Tô Thanh K và chị Tô Mỹ O có nghĩa vụ hoàn trả cho chị Đỗ Thị Nga C'', anh Đỗ Thanh D'' số tiền là 867.556.250 đồng (Tám trăm sáu mươi bảy triệu năm trăm năm mươi sáu nghìn hai trăm năm mươi đồng).

2.3. Bà B''''ng Thị A, chị Tô Thanh K và chị Tô Mỹ O có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Thanh E'', anh Trần Vinh M'', anh Trần Duy N'' số tiền là 867.556.250 đồng (Tám trăm sáu mươi bảy triệu năm trăm năm mươi sáu nghìn hai trăm năm mươi đồng).

2.4. Bà B''''ng Thị A, chị Tô Thanh K và chị Tô Mỹ O có nghĩa vụ hoàn trả cho anh Nguyễn Đức Q' và anh R' số tiền là 867.556.250 đồng (Tám trăm sáu mươi bảy triệu năm trăm năm mươi sáu nghìn hai trăm năm mươi đồng).

Kể từ ngày bà Trần Thị G'; bà Trần Thị L'; bà Trần Thị Việt X'; chị Đỗ Thị Nga C'', anh Đỗ Thanh D''; bà Nguyễn Thị Thanh E'', anh Trần Vinh M'', anh Trần Duy N''; anh Nguyễn Đức Q' và anh R'; bà Nguyễn Thị U'; chị Trần Thị Phương S' có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên, hàng tháng bà B''''ng Thị A, chị Tô Thanh K và chị Tô Mỹ O còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

### 3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Bà B''''ng Thị A, chị Tô Thanh K và chị Tô Mỹ O phải chịu 114.940.450 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Chia phần cụ thể mỗi người phải nộp là: 38.313.483 đồng. Chị Tô Mỹ O được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà B''''ng Thị A, chị Tô Thanh K mỗi người được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 14.000.000 đồng tại các Biên lai thu tạm ứng án phí số 0008347 (Hoàng Thị A) và số 0008346 (Tô Thanh K) cùng ngày 14 tháng 01 năm 2020 của Cục thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Bà B''''ng Thị A, chị Tô Thanh K mỗi người còn phải nộp 24.313.483 đồng (Hai mươi bốn triệu ba trăm mười ba nghìn bốn trăm tám mươi ba đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Trần Thị G', bà Trần Thị L', bà Trần Thị Việt X', bà Nguyễn Thị Thanh E'', bà Nguyễn Thị U'.

3.3. Chị Trần Thị Phương S' phải chịu 38.026.687 (Ba mươi tám triệu không trăm hai mươi sáu nghìn sáu trăm tám mươi bảy đồng) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3.4. Chị Đỗ Thị Nga C'' và anh Đỗ Thanh D'' phải chịu 38.026.687 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, mỗi người phải chịu 19.013.344 đồng (Mười chín triệu không trăm mười ba nghìn ba trăm bốn mươi bốn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3.5. Anh Trần Vinh M'', anh Trần Duy N'' mỗi người phải chịu 12.675.562 đồng (Mười hai triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn năm trăm sáu mươi hai đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3.6. Anh Nguyễn Đức Q', anh R' mỗi người phải chịu 19.013.344 đồng (Mười chín triệu không trăm mười ba nghìn ba trăm bốn mươi bốn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3.7. Ông Đỗ Văn Q, ông Đỗ Thế O'', ông Cao Xuân P'', bà Mạc Thị Q'' không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về chi phí định giá tài sản, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Các nguyên đơn tự nguyện chịu, đã nộp đủ, không yêu cầu nên không đặt vấn đề giải quyết.

Trong thời hạn 15 ngày (Mười lăm ngày), kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt tại phiên tòa đều có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Trong thời hạn 15 ngày (Mười lăm ngày), kể từ nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết bà Nguyễn Thị U', chị Trần Thị Phương S', ông Cao Xuân P'' và bà Mạc Thị Q'' đều có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Trong thời hạn một tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật, chị Đỗ Thị Nga C'', anh Đỗ Thanh D'', anh Nguyễn Đức Q' và anh R' đều có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Trần Minh Phương**